TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 800/2023/HC-PT
Ngày: 07/11/2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 604/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất" do có kháng cáo của người khởi kiện với Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2023/HCST ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12266/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Tăng Văn T, sinh năm 1950; Địa chỉ: số D N, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Tăng Văn T1, sinh năm 1955; Địa chỉ: số C T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**** Người bị kiện*:**

- Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ trụ sở: Số A Hồ S, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông , chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận L; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955; anh Tăng Văn K, sinh năm 1983; anh Tăng Minh K1, sinh năm 1985 và anh Tăng Nhật Á, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: số D N, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

2. Anh Tăng Thế A, sinh năm 1980; địa chỉ: C đường B, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ B khu C (nay là tổ A mới) phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tăng Văn K: Bà Đàm Thị C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ B, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Người khởi kiện ông Tăng Văn T trình bày:*

Hộ gia đình ông Tăng Văn T (là Thương binh) gồm 6 nhân khẩu đang sử dụng 747m^2 đất, tại thửa số 56 và thửa số 60A, tờ bản đồ số 8 (xứ đồng L), xã V, huyện A, thành phố Hải Phòng từ năm 1979 (nay là phường V, quận L, thành phố Hải Phòng). Nguồn gốc thửa đất là của ông cha để lại cho bố mẹ ông T là cụ Tăng Văn H1 và cụ Đặng Thị T2; năm 1979 khi ông T lấy vợ thì bố mẹ tặng cho 2 thửa đất trên để trồng cấy hoa màu. Gia đình ông đã sử dụng diện tích đất trên liên tục đến nay không có tranh chấp, không đưa vào Hợp tác xã.

Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư A (sau đây gọi tắt là Dự án TĐC A51), UBND quận L đã thu hồi 747m^2 đất của gia đình ông nói trên, ông T đồng ý với việc thu hồi đất nhưng yêu cầu phải đền bù đất theo giá đất ở tại Quyết định 2545/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND thành phố H, bởi vì: Tại thời điểm thu hồi đất thì Quận L, thành phố Hải Phòng không còn đất nông nghiệp, mặt khác thì chính quyền thu hồi đất sử dụng để xây khu tái định cư với giá đất vài chục triệu đồng/m^2 nhưng chỉ áp giá đền bù rẻ mạt 100.000đồng/m^2 khi thu hồi đất của gia đình ông. Ông T cho rằng bản thân là Thương binh, gia đình có 4 con trai đã trưởng thành đang chung sống gồm 15 nhân khẩu, nhưng chưa được Nhà nước quan tâm giao đất ở, nên ông đã nhiều lần kiến nghị về áp giá đất ở khi thu hồi đất và giao đất tái định cư nhưng không được

giải quyết. Sau đó, UBND quận L vẫn ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông là trái pháp luật xâm phạm quyền lợi của gia đình ông.

Do đó, ông T khởi kiện đề nghị Toà án tuyên xử:

+ Huỷ Quyết định số 3701/QĐ-UBND và Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung của UBND quận L;

+ Huỷ Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND quận L;

+ Buộc UBND quận L giao đất tái định cư cho hộ gia đình ông Tăng Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện thống nhất với lời khai của người khởi kiện về diện tích đất, số thửa đất bị thu hồi, đồng thời trình bày thêm:*

Gia đình ông T đang sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8 (Trích lục địa chính dự án là thửa số 82, tờ bản đồ số 01, diện tích 387m^2) và thửa đất số 60A, tờ bản đồ số 8 (Trích lục địa chính dự án là thửa số 49, tờ bản đồ số 01, diện tích 386m^2 là chưa chính xác mà chỉ là 360m^2) tại phường V. Theo sổ đăng ký ruộng đất năm 1994 lưu giữ tại UBND phường V thì thửa đất số 56, diện tích 387m^2 và và thửa đất số 60A, diện tích 360m^2 tại xứ đồng Láng Vịt là đất 2 lúa, tạm giao cho ông Tăng Văn T; Sổ mục kê năm 1994 thể hiện ông Tăng Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 387m^2 và thửa đất số 60A, tờ bản đồ số 8, diện tích 360m^2, tại xứ đồng Láng Vịt là đất 2 lúa (Bản đồ địa chính năm 2005 thể hiện diện tích 779,5m^2 do gộp với thửa đất của bà Tăng Thị H2). Căn cứ vào sổ sách địa chính và hiện trạng sử dụng đất thì cả 2 thửa đất gia đình ông T đang sử dụng là đất nông nghiệp được giao từ năm 1994, tổng diện tích 747m^2.

Thực hiện Dự án TĐC A51, UBND quận L đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 3701/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất số 3700/QĐ-UBND ngày 24/12/2019; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 924/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; thu hồi 747m^2 đất của hộ gia đình ông T, với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 587.096.098 đồng (bồi thường về đất 74.700.000 đồng, vật kiến trúc 46.858.848 đồng, cây cối hoa màu 6.357.732 đồng và các khoản hỗ trợ 461.180.000 đồng).

Gia đình ông T không chấp hành bàn giao đất nên ban đầu Chủ tịch UBND quận L đã ban hành Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 cưỡng chế thu hồi đất, quá trình giải quyết kiến nghị thấy quyền lợi gia đình ông T cần được xem xét, bổ sung nên UBND quận đã dừng việc cưỡng chế đồng

thời ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 924/QĐ-UBND đối với gia đình ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn không chấp hành và việc vận động, thuyết phục không có kết quả nên Chủ tịch UBND quận L tiếp tục ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 để cưỡng chế thu hồi đất và hiện đã cưỡng chế xong.

UBND quận L căn cứ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND thành phố H phê duyệt giá bồi thường về đất nông nghiệp khi thu hồi đất đối với gia đình ông T là đúng quy định của pháp luật. Ông T yêu cầu áp giá đất ở theo Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND thành phố H là không có cơ sở.

Đề nghị Toà án bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P, anh Tăng Văn K, anh Tăng Minh K1, anh Tăng Nhật Á và anh Tăng Thế A đồng ý với quan điểm của người khởi kiện và cũng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt họ.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ các Điều 62, 66, 69, 71, 77, 83 và 84 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T về việc:

- Huỷ Quyết định số 3701/QĐ-UBND và Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung của UBND quận L, thành phố Hải Phòng.

- Huỷ Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hải Phòng.

- Buộc UBND quận L giao đất tái định cư cho hộ gia đình ông Tăng Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, người khởi kiện là ông Tăng Văn T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Tăng Văn T1 cho rằng:* Các Thông báo của UBND quận L về diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông T không thống nhất về diện tích đất bị thu hồi, nên các Quyết định số 3701/QĐ-UBND căn cứ các Thông báo trên cần phải huỷ để thực hiện lại; việc lập và thẩm định phương án bồi thường không đảm bảo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai 2013; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 924/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 không cùng ngày ban hành Quyết định số 3701/QĐ-UBND là trái quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013; việc áp giá đất năm 2019 là không đúng, lẽ ra phải áp giá đất năm 2020; đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình ông T là người có công để giao đất có thu tiền để tạo thêm chỗ ở cho các thành viên trong gia đình.

Đất của gia đình ông T được nhà nước cho phép sử dụng 747m², trước kia là đất nông nghiệp sau đó được nhà nước quy hoạch và chuyển đổi thành đất ở thể hiện tại thửa số 56, 60 và thể hiện tại Quyết định số 2545 ngày 26/8/2020 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư A tại phường V, quận L. Từ khi được phép sử dụng đất gia đình ông sử dụng ổn định, đúng mục đích, đóng thuế ruộng đất đầy đủ cho nhà nước và không tranh chấp với ai, việc UBND quận L thực hiện dự án A51 không bồi thường cho gia đình ông theo Quyết định số 2545 là không đúng theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận L chỉ chi trả 100.000đ/m² theo giá đất nông nghiệp là không đúng, mặc dù các ông đã chứng minh đất của ông là đất đã được thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2545 nhưng Ủy ban nhân dân quận L cố tình không chi trả cho gia đình ông theo Quyết định số 2545. Việc làm này của UBND quận L là cố ý làm trái quy định của nhà nước không đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*

+ Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: UBND quận L ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt bồi thường, hỗ trợ giải phòng mặt bằng đối với 747m² đất nông nghiệp tại phường V của hộ gia đình ông T là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông T đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ 587.096.098 đồng là đã bảo đảm quyền lợi nên yêu cầu bồi thường bằng giá đất ở và giao đất

tái định cư là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đối tượng khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của ông Tăng Văn T đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và phân tích như sau:

[3.1] Hộ gia đình ông Tăng Văn T (là Thương binh) gồm 6 nhân khẩu đang sử dụng 747m^2 đất, tại thửa số 56 và thửa số 60A, tờ bản đồ số 8 (xứ đồng L), phường V, quận L, thành phố Hải Phòng. Ông T khai nguồn gốc là đất canh tác do cha ông để lại, gia đình ông sử dụng liên tục từ năm 1979 đến nay, không có tranh chấp, không đưa vào Hợp tác xã. Căn cứ sổ sách địa chính lưu giữ tại UBND phường V thì thửa đất số 56 và thửa đất số 60A là đất 2 lúa tạm giao cho ông Tăng Văn T sử dụng từ năm 1994 đến nay, tổng diện tích là 747m^2. Thực hiện Dự án TĐC A51, UBND quận L đã ban hành Quyết định số 3701/QĐ-UBND và Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung; gia đình ông T đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 587.096.098 đồng. Tuy nhiên, ông T không chấp hành bàn giao đất nên đã bị cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND quận L.

[3.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và Điều 71 Luật Đất đai; UBND quận L ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; Chủ

tịch UBND quận L ban hành Quyết định cưỡng chế thu thồi đất của người khởi kiện là đúng thẩm quyền; người khởi kiện cũng không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về thẩm quyền thu hồi đất. Trình tự, thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, kiểm kê tài sản, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa phương, ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đều đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013. Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng: Các Thông báo của UBND quận L ghi diện tích đất bị thu hồi không thống nhất, nên Quyết định thu hồi đất số 3701/QĐ-UBND ban hành đã căn cứ các Thông báo trên cần phải huỷ để thực hiện lại là không cần thiết, bởi lẽ: Thực tế quản lý đất đai thì số liệu ghi trong sổ sách đất nông nghiệp thường không chính xác về diện tích so với thực tế, nhưng gia đình ông T cũng thống nhất với số liệu đất bị thu hồi đã được kiểm đếm là 747m^2. Đối với việc Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 924/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 ban hành không cùng ngày với Quyết định thu hồi đất số 3701/QĐ-UBND là nhằm bổ sung quyền lợi còn thiếu cho người khởi kiện, nên không coi là trái pháp luật. Như vậy, các quyết định hành chính của UBND quận L và Chủ tịch UBND quận L ban hành trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông T về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Về xác định nguồn gốc đất và loại đất: Quan điểm của người khởi kiện cho rằng đất của hộ gia đình mình bị thu hồi là đất do ông cha để lại, không phải đất nông nghiệp và tại thời điểm thu hồi đất thì Quận L còn diện tích đất nông nghiệp. Tuy nhiên, căn cứ sổ sách địa chính lưu giữ tại UBND phường V thì thửa đất số 56 và thửa đất số 60A nói trên là đất 2 lúa được giao cho ông Tăng Văn T sử dụng từ năm 1994. Xét đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện quản lý, người sử dụng đất chỉ có quyền sử dụng đất hợp pháp khi được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; ông T cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đất đang sử dụng đã được giao (công nhận) là đất ở. Bản phô tô bản đồ địa chính mà ông T xuất trình có ghi 2 thửa đất (56 và 60A) là DOT (đất ở đô thị) là không có giá trị pháp lý. Như vậy, việc UBND quận L xác định 747m^2 gia đình ông T được Nhà nước giao sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 4, khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 13 Luật Đất đai 2013. Do đó, không có cơ sở chấp nhận quan điểm nói trên của người khởi kiện.

[3.4] Về giá bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu, vật kiến trúc trên đất và giao đất tái định cư: Gia đình ông T thống nhất với UBND quận L về diện tích

đất bị thu hồi là 747m^2, cùng với số lượng vật kiến trúc và hoa màu trên đất; không khiếu nại, thắc mắc về chủ trương và thẩm quyền thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; chỉ yêu cầu được bồi thường về đất theo giá đất ở ban hành tại Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND thành phố H. Căn cứ nhận định tại mục [3.3] thì 747m^2 đất bị thu hồi là đất nông nghiệp; UBND quận L áp dụng giá đất bồi thường cho hộ gia đình ông T theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND thành phố H về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2019 là đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai. Ngoài việc được bồi thường về đất, gia đình ông T còn được hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 83 Luật Đất đai; Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; số tiền bồi thường, hỗ trợ đã nhận 587.096.098 đồng là bảo đảm quyền lợi của hộ gia đình người khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của ông T đề nghị áp dụng đơn giá thu hồi đất năm 2020 là không có cơ sở, bởi lẽ: Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định là quyết định thu hồi đất ban hành thời điểm nào thì áp dụng đơn giá bồi thường về đất thời điểm đó. Do đất bị thu hồi là đất nông nghiệp nên UBND quận L phê duyệt giao đất tái định cư cho gia đình ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3.5] Về việc cưỡng chế thu hồi đất: Chủ tịch UBND quận L ban hành Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất, nhưng xét thấy quyền lợi gia đình ông T cần được xem xét, bổ sung nên đã dừng việc cưỡng chế để ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung là có căn cứ. Quyết định số 1383/QĐ-UBND không được thực hiện nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện và ông T cũng không khởi kiện Quyết định này nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất được ban hành sau khi UBND quận L đã nhiều lần tổ chức vận động, thuyết phục ông T giao đất không thành là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

[3.6] Từ những phân tích trên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc tuyên huỷ các quyết định hành chính của UBND quận L và Chủ tịch UBND quận L là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cũng không cung cấp được tài liệu gì mới để làm căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người

kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng do ông T là thương binh và là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo luật định.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tăng Văn T; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2023/HC-ST ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Ông Tăng Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng